

CHƯƠNG TRÌNH

Phát triển sản phẩm quốc gia, sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030, Chương trình hành động số 02-CTr/ĐU ngày 12/09/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030, Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 13/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình Phát triển sản phẩm quốc gia, sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các chương trình hành động liên quan. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước, quốc tế. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã nghiên cứu phát triển, mở rộng sản xuất, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, gắn với Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. Thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu sản phẩm nông sản chủ lực.

2. Yêu cầu

Quá trình tổ chức thực hiện Chương trình phải cụ thể hoá các chủ thể trong chuỗi sản phẩm, đảm bảo triển khai đầy đủ nhiệm vụ phát triển sản phẩm quốc gia, sản phẩm của tỉnh, sản phẩm OCOP và sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh; xác định lộ trình, chỉ tiêu, nội dung cụ thể, các dự án ưu tiên, nguồn lực triển khai các nội dung cho từng giai đoạn.

Đảm bảo sự triển khai tích cực, đồng bộ, hiệu quả của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, bảo đảm tính thống nhất, khả thi theo hướng ưu tiên nguồn lực, áp dụng các cơ chế, chính sách để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia theo Quyết định 157/QĐ-TTg, sản phẩm chủ lực tỉnh và Chương trình mỗi xã một sản phẩm, góp phần tăng trưởng kinh tế bền vững, nâng cao thu nhập và đời sống người dân nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Xây dựng và khẳng định thương hiệu “Sản phẩm chủ lực tỉnh An Giang” có uy tín, sức lan tỏa cao trong cộng đồng doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước, quốc tế.

Phát triển sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế địa phương về kinh tế nông nghiệp.

Đẩy mạnh đầu tư ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, cải tiến, chuẩn hóa quy trình sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến, chế biến sâu nông sản, thực phẩm gắn với xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm.

Thúc đẩy liên kết sản xuất - tiêu thụ, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tăng cường thương mại điện tử, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm OCOP tỉnh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh phát triển các làng nghề nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn phục vụ phát triển sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Sản phẩm quốc gia

Tiếp tục phát triển các sản phẩm quốc gia theo Quyết định số 787/QĐ-TTg ngày 05/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia đang được tỉnh An Giang tập trung triển khai thực hiện như thủy sản (cá tra, tôm), trồng trọt (lúa gạo, hồ tiêu), trong đó:

2.1.1. Sản phẩm tôm

Phấn đấu năm 2030 sản lượng khai thác thủy sản đạt 440.000 - 450.000 tấn (trong đó khai thác xa bờ khoảng 65%). Nuôi trồng thủy sản đạt trên 1.500.000 tấn, trong đó tôm nước lợ là 172.000 tấn.

Phấn đấu 50% diện tích nuôi tôm áp dụng quy trình kỹ thuật an toàn sinh học; 20 - 30% diện tích đạt tiêu chuẩn VietGAP, ASC, Global GAP... hoặc sinh thái.

Phấn đấu 90% con giống tôm đưa vào sản xuất có nguồn gốc rõ ràng, kiểm dịch đầy đủ. Sản xuất tôm giống đáp ứng từ 20 - 30% đáp ứng nhu cầu giống tôm nuôi của tỉnh.

Xây dựng, phát triển ít nhất 15 vùng nuôi, trang trại nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến, trong đó có ít nhất 02 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao¹.

Phân đầu 70% sản lượng tôm nuôi tham gia chuỗi liên kết sản xuất. Sản lượng tôm thương phẩm qua chế biến tăng bình quân 7 - 9%/năm, trong đó tỷ lệ tôm chế biến tinh đạt trên 30% tổng sản lượng.

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng thủy sản trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 tăng bình quân 10,83%/năm, dự kiến đến năm 2030 đạt 1,19 tỷ USD. Trong đó, sản lượng xuất khẩu mặt hàng tôm tăng bình quân 9,2%/năm, dự kiến đến năm 2030 đạt 9.965 tấn.

2.1.2. Sản phẩm cá tra:

Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch gắn với công nghiệp chế biến trong nội ngành thủy sản giai đoạn 2026 - 2030 đạt bình quân trên 60%. Phân đầu năm 2030, sản lượng nuôi cá tra đạt trên 652.000 tấn, trong đó: Vùng nuôi tập trung tại các xã: Phú Hòa (cá tra 180 ha), Vĩnh Trạch (cá tra 35 ha), Bình Hòa (cá tra 50 ha), Châu Phú (cá tra, rô phi 150 ha), Vĩnh Thạnh Trung (70 ha), Mỹ Đức (cá tra 100 ha), phường Mỹ Thới (cá tra, rô phi 150 ha), Nhơn Mỹ (cá tra 50 ha), Cù Lao Giêng (cá tra 100 ha), Chợ Mới (cá tra 38 ha), Vĩnh Xương (cá tra 150 ha), Bình Thạnh Đông (cá tra 50 ha), Tân Châu (cá tra 50 ha), Vĩnh Hậu (cá tra 70 ha), Phú Tân (cá tra 30 ha), Hòa Lạc (cá tra 50 ha).

Hình thành tối thiểu 03 vùng nuôi cá tra ứng dụng công nghệ cao gắn với truy xuất nguồn gốc².

Hoàn thiện, áp dụng quy trình VietGAP và các quy trình tiên tiến khác trong nuôi, chế biến đảm bảo kiểm soát chuỗi sản phẩm, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm. Tạo ra từ 01 đến 03 sản phẩm chế biến có chất lượng, giá trị cao và khuyến khích có ít nhất 01 sản phẩm có thương hiệu được công nhận bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Củng cố các chuỗi liên kết hiện có thành các chuỗi giá trị ngành hàng bền vững, thu hút, mời gọi ít nhất 02 doanh nghiệp chế biến cá tra xuất khẩu tham gia đầu tư xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ cá tra trên địa bàn tỉnh và phân đầu thêm ít nhất 01 hợp tác xã cá tra.

Trên 70% số lượng doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu đạt trình độ và năng lực công nghệ từ mức khá trở lên.

¹ Vùng nuôi ứng dụng công nghệ cao tại các xã gồm: Công ty Cổ phần thủy sản Trung Sơn (xã Kiên Lương); Công ty cổ phần Trung Sơn (phường Tô Châu); Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang (xã Hòa Điền); Khu nuôi thủy sản Đồng Hòa – Chi nhánh Công ty cổ phần thực phẩm BIM Kiên Giang (xã Giang Thành); Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt tại Hà Tiên (phường Hà Tiên); Công ty cổ phần thủy sản NT (xã Giang Thành); Công ty cổ phần thủy sản NTSF (phường Tô Châu).

² Vùng nuôi cá tra tại các xã: Định Mỹ, Nhơn Mỹ, Bình Hòa, Bình Mỹ, Cù Lao Giêng, Kiến An, Bình Thạnh Đông.

2.1.3. Sản phẩm lúa gạo

Tập trung phát triển những sản phẩm lúa gạo đã đạt các tiêu chuẩn tiên tiến, an toàn và hướng tới việc sản xuất lúa gạo hiện đại và bền vững như: Quản lý tốt đồng ruộng, sử dụng nguồn tài nguyên nước hợp lý, quản lý sâu bệnh, quản lý dinh dưỡng, giảm thất thoát sau thu hoạch, quan tâm đến an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn sức khỏe cho người lao động, người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm lúa gạo chất lượng cao.

Giữ ổn định diện tích gieo trồng 1.338.900 ha. Phần đầu đạt sản lượng 8.798.000 tấn, trong đó, nâng tỷ lệ lúa chất lượng cao đạt 85,2%.

Hình thành, phát triển ít nhất 10 vùng chuyên canh lúa ứng dụng công nghệ cao³, gắn với công nghiệp chế biến, trong đó có ít nhất 02 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao⁴.

Tỷ lệ diện tích canh tác lúa chất lượng cao, phát thải thấp, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn, hữu cơ, sạch, gắn với công nghiệp chế biến đạt trên 70% (tương đương 354 ngàn ha), trong đó 100% sản lượng lúa chất lượng cao, phát thải thấp được liên kết tiêu thụ ổn định; tỷ lệ diện tích “canh đồng không dẫu chân” tối thiểu 10%.

2.1.4. Sản phẩm hồ tiêu

Quy hoạch phát triển hồ tiêu phải dựa trên nhu cầu thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu; khai thác lợi thế về đất đai, nguồn nước, khí hậu, thời tiết để phát triển hồ tiêu theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung, hiệu quả và bền vững, trong đó diện tích trồng tiêu chất lượng cao chiếm từ 65% trở lên trên tổng diện tích gieo trồng, tập trung phát triển những sản phẩm tiêu hạt có chất lượng cao và đã có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước như sản phẩm tiêu Phú Quốc, Hà Tiên, Kiên Lương. Ngoài ra, cần chế biến đa dạng sản phẩm từ hạt tiêu như: muối tiêu, muối hồng tiêu, tiêu ngào đường, ngâm dấm, nước sốt tiêu xanh, đen...

Phần đầu đến năm 2030, diện tích trồng hồ tiêu đạt 500 ha, sản lượng thu hoạch đạt 850 tấn, trong đó diện tích trồng tiêu chất lượng cao chiếm từ 65% trở lên trên tổng diện tích gieo trồng; có trên 200 ha diện tích trồng tiêu được cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn Việt Nam (Trong đó: tập trung ở xã Ngọc Chúc, Hòa Thuận, Kiên Lương, Vĩnh Hòa Hưng, phường Tô Châu và đặc khu Phú Quốc)".

2.2. Sản phẩm OCOP

Trên cơ sở danh mục sản phẩm quốc gia và sản phẩm của tỉnh, phát triển và nâng hạng các sản phẩm Chương trình OCOP của tỉnh từ hạng 3 sao, 4 sao lên 5 sao cấp quốc gia. Giai đoạn 2026 - 2030, phần đầu công nhận ít nhất 250 sản phẩm mới và hiện có đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có 05 sản phẩm OCOP đạt chuẩn 5 sao cấp quốc gia, 25 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao và 220 sản phẩm đạt hạng

³ Tập trung tại các xã: Cần Đăng; Long Điền; Châu Phong; Nhơn Hội; Núi Cấm; Thạnh Mỹ Tây; Cô Tô; Thoại Sơn; Ngọc Chúc; Hòn Đất.

⁴ Tập trung tại 02 xã: Ngọc Chúc và Hòn Đất.

3 sao. Lũy kế đến năm 2030, toàn tỉnh ước có 863 sản phẩm đạt hạng 3 sao trở lên, trong đó có 19 sản phẩm 5 sao cấp quốc gia, 87 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao và 754 sản phẩm đạt hạng 3 sao; ưu tiên phát triển các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của địa phương và sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

Củng cố và nâng cấp ít nhất 30% sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng; ưu tiên phát triển sản phẩm OCOP gắn với thương hiệu sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch nông thôn.

Ưu tiên phát triển các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, phần đầu có ít nhất 20% chủ thể là hợp tác xã, 30% chủ thể là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Có ít nhất 30% các chủ thể OCOP xây dựng được chuỗi giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn, OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu ổn định; trong đó ưu tiên các sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng.

Phần đầu có 100% sản phẩm OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại hoặc có mặt trên sàn thương mại điện tử (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử,...); phần đầu đến năm 2030, toàn tỉnh có 50 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

2.3. Sản phẩm tiềm năng, sản phẩm nông nghiệp của tỉnh

Tiếp tục phát triển các sản phẩm của tỉnh theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 17/01/2019, Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 và Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 về ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh.

Đề hướng tới đạt chứng nhận sản phẩm OCOP, tạo được niềm tin với người tiêu dùng, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng thu nhập cho người dân và phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tỉnh An Giang tập trung phát triển 8 nhóm ngành hàng chủ lực bao gồm lúa gạo, thủy sản, chăn nuôi, rau màu, cây ăn trái, hoa kiểng, dược liệu, nấm ăn - nấm dược liệu. Phần đầu đến năm 2030, hình thành, đề xuất và phát triển 01 sản phẩm chủ lực của tỉnh trở thành sản phẩm quốc gia; xây dựng và phát triển lĩnh vực cây ăn trái có ít nhất 01 thương hiệu ngành hàng chủ lực của tỉnh; 90% cây, con giống đưa vào sản xuất có nguồn gốc rõ ràng, kiểm dịch đầy đủ.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Để đạt được mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Chương trình đề ra; các sở, ngành, đoàn thể và địa phương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

1. Công tác chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp chính quyền trong triển khai thực hiện Chương trình gắn với triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050; Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/9/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ giải pháp đẩy mạnh

phát triển các vùng kinh tế trọng điểm; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình; thực hiện hiệu quả chính sách thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực của tỉnh và sản phẩm OCOP.

2. Hoàn thiện quy hoạch và tổ chức sản xuất

Rà soát, xác định vùng nuôi trồng, sản xuất trọng điểm đối với các sản phẩm chủ lực gắn với quy hoạch phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất phục vụ chế biến tập trung và bảo quản sau thu hoạch... Triển khai xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất hàng hóa, năng suất, chất lượng tập trung trên các sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

- Quy hoạch và phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, xây dựng chuỗi giá trị chế biến thủy sản sạch; rà soát đề xuất điều chỉnh các nội dung về định hướng không gian quy hoạch phát triển nuôi trồng và khai thác thủy hải sản ở những vùng ven biển có tiềm năng lợi thế gắn với hệ thống cảng biển, logistics, trung tâm đầu mối thủy sản. Phát triển bền vững nuôi trồng thủy sản an toàn, quy mô lớn, công nghệ cao tại các khu vực ven biển, quanh các đảo và vùng ven bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Quy hoạch, phát triển vùng nuôi tôm công nghệ cao tập trung tại vùng Tứ giác Long Xuyên. Phát triển vùng nuôi tôm thâm canh năng suất cao kiểm soát chặt môi trường nước, giống, thức ăn, dịch bệnh theo quy trình chuẩn đảm bảo ghi chép đầy đủ, truy xuất được nguồn gốc đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn chứng nhận.

- Quy hoạch, phân vùng sản xuất lúa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, giữ ổn định diện tích sản xuất lúa phát triển các vùng nguyên liệu tập trung ứng dụng công nghệ cao, thiết lập các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ ổn định, tập trung ở 03 vùng sinh thái của tỉnh (vùng Tứ Giác Long Xuyên, vùng Tây sông Hậu, vùng giữa sông Tiền - sông Hậu) gắn với các nhà máy xay xát, chế biến lúa gạo phục vụ xuất khẩu hiện hữu và các khu, cụm công nghiệp chế biến nông sản được quy hoạch trong giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045.

- Quy hoạch vùng chuyên canh cây ăn trái (đối tượng chủ yếu là xoài, khóm, chuối, sầu riêng, dứa, hồ tiêu) ứng dụng công nghệ cao: tập trung ở các vùng giữa sông Tiền và sông Hậu, vùng Tứ Giác Long Xuyên và vùng Tây Sông Hậu, gắn với các nhà máy chế biến rau củ quả, các khu, cụm công nghiệp chế biến nông sản, các khu, cụm công nghiệp sinh thái được quy hoạch trong giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045.

- Quy hoạch vùng chuyên canh rau màu (đối tượng chủ yếu là rau ăn lá, rau lấy củ, dưa lê, dưa lưới, bắp non, đậu nành rau) ứng dụng công nghệ cao: tập trung ở các vùng giữa sông Tiền và sông Hậu, vùng Tứ Giác Long Xuyên và vùng Tây Sông Hậu, gắn với các nhà máy chế biến rau củ quả, các khu, cụm công nghiệp

chế biến nông sản, các khu, cụm công nghiệp sinh thái được quy hoạch trong giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045.

3. Rà soát, ban hành, triển khai cơ chế, chính sách

Rà soát, bổ sung Danh mục sản phẩm quốc gia và sản phẩm chủ lực của tỉnh đang triển khai thực hiện (thay thế Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 17/01/2019, Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 và Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 26/11/2021).

Rà soát hoàn thiện, bổ sung các cơ chế hỗ trợ, ưu đãi dành cho doanh nghiệp, sản phẩm về: xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, khoa học công nghệ, cung cấp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực doanh nghiệp và sức cạnh tranh sản phẩm, tiếp cận nguồn vốn tín dụng, tiếp cận cơ sở thông tin dữ liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, truyền thông quảng bá thương hiệu, giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện các dự án, đề án.

Nghiên cứu, xây dựng hình thành Không gian trung bày, quảng bá sản phẩm tại các xã, phường, đặc khu và các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nói chung và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó tập trung vào hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia chuỗi giá trị; chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển các mô hình kinh doanh mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất sản phẩm quốc gia, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, phát triển bền vững

Xây dựng các mô hình sản xuất áp dụng rộng rãi các công nghệ canh tác nông nghiệp thông minh như: nuôi tôm tuần hoàn (RAS); cảm biến IoT; máy bay không người lái (drone); hệ thống giám sát tự động; quản lý số hóa dữ liệu vùng sản xuất; bản đồ số hóa nông nghiệp; công nghệ sinh học; công nghệ chọn tạo giống cây trồng vật nuôi tính chống chịu cao thích ứng biến đổi khí hậu tốt; công nghệ cao trong nuôi biển. Tiến hành cơ giới hóa, sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại vào sản xuất để tăng hiệu suất và giảm sức lao động. Chuyển giao, ứng dụng công nghệ trong canh tác lúa, quy trình canh tác lúa tiên tiến (3 giảm 3 tăng, IPHM, VietGAP, sinh thái, hữu cơ,...), quy trình sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp.

Hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý... theo Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống truy xuất nguồn gốc để phát triển các sản phẩm nâng hạng cho các sản phẩm OCOP để đạt 04 sao, 05 sao nhằm định hướng sản phẩm quốc gia. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ chế biến quy mô nhỏ và vừa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm OCOP, đặc biệt là các sản phẩm đã được công nhận đạt sao.

5. Phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản sau thu hoạch hỗ trợ giải quyết các điểm nghẽn lớn trong chuỗi giá trị nông sản

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong bảo quản sau thu hoạch, chế biến sâu. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mở rộng, nâng cấp nhà máy chế biến tôm, cá tra đạt chuẩn EU, Mỹ, Nhật áp dụng quy trình cấp đông nhanh, sấy thăng hoa; đầu tư dây chuyền chế biến sâu, tăng tỷ lệ sản phẩm giá trị gia tăng cao (tôm tẩm, tôm hấp, tôm chín, sản phẩm phối trộn, đồ hộp, thực phẩm chức năng, dược liệu,...), đảm bảo dây chuyền đóng gói, bao bì, truy xuất nguồn gốc (blockchain, mã QR) để minh bạch thông tin sản phẩm.

Nghiên cứu ban hành cơ chế chính sách ưu đãi thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến và bảo quản, đặc biệt là nhà máy xay xát, sấy, đánh bóng gạo đạt chuẩn xuất khẩu; nhà máy chế biến sản phẩm từ tôm, cá tra. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ mới và nâng cao năng lực chế biến.

Phát triển hạ tầng, trung tâm logistics thủy sản đồng bộ hệ thống giao thông, kho bãi, đặc biệt là kho lạnh cần được đầu tư để đảm bảo quá trình vận chuyển từ nơi sản xuất đến nhà máy chế biến và ra thị trường.

6. Tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị các sản phẩm quốc gia, sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh

Rà soát, bổ sung các chính sách cụ thể hóa Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về phát triển liên kết sản xuất nông nghiệp nhằm tạo hành lang pháp lý thông thoáng, rõ ràng, khuyến khích doanh nghiệp và người dân tham gia liên kết, hướng dẫn quy trình xây dựng các dự án liên kết.

Triển khai các gói tín dụng ưu đãi, lãi suất thấp, thủ tục đơn giản cho các dự án, mô hình liên kết sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản chủ lực.

Đổi mới mô hình Hợp tác xã theo hướng hoạt động hiệu quả, chuyên nghiệp, lấy dịch vụ làm trọng tâm. củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các hợp tác xã hiện có; hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã tại vùng sản xuất còn phân tán, chưa có tổ chức để thực hiện liên kết, tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp.

Phối hợp với Hiệp hội ngành hàng kết nối các Hợp tác xã với doanh nghiệp bao tiêu nguyên liệu. Hỗ trợ liên kết giữa nhà máy chế biến và vùng sản xuất nguyên liệu hàng hóa ổn định, đạt chuẩn. Củng cố, duy trì các liên kết đã có và xây dựng các mô hình liên kết mới. Tập trung nhân rộng mô hình liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân. Thu hút các doanh nghiệp lớn, có tiềm lực đầu tư vào nông nghiệp, đóng vai trò hạt nhân dẫn dắt chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ.

Triển khai hiệu quả Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long”; nhân rộng các mô hình có hiệu quả trong giảm chi phí sản xuất lúa, nâng cao chất lượng gạo.

7. Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại sản phẩm nông nghiệp chủ lực

Phát triển thương mại điện tử, đưa nông sản lên các sàn giao dịch điện tử lớn trong và ngoài nước (Lazada, Shopee, Amazon, Alibaba, v.v.). Tổ chức các hội nghị, diễn đàn kết nối cung cầu giữa các nhà sản xuất, Hợp tác xã với các nhà phân phối lớn (cả kênh truyền thống và hiện đại như siêu thị, chợ đầu mối, chuỗi nhà hàng, khách sạn).

Tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế trưng bày, giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm đối tác và cập nhật xu hướng thị trường nông nghiệp toàn cầu. Trong đó, ưu tiên giới thiệu, quảng bá, kết nối - cung cầu các sản phẩm của tỉnh đến doanh nghiệp, du khách trong và ngoài nước tại Hội nghị APEC 2027 tổ chức tại đặc khu Phú Quốc.

Tổ chức các sự kiện (như: hội chợ, triển lãm, Festival, Hội nghị kết nối cung cầu...) nhằm tạo không gian trưng bày, quảng bá sản phẩm cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, chủ thể OCOP giới thiệu sản phẩm nông nghiệp chủ lực và thực hiện các hoạt động kết nối cung - cầu, phát triển thị trường cho sản phẩm chủ lực của địa phương.

Tận dụng vai trò của các Tham tán thương mại Việt Nam ở nước ngoài để cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ pháp lý và kết nối doanh nghiệp Việt Nam với các nhà nhập khẩu nước sở tại.

Xây dựng danh mục dự án mời gọi đầu tư, xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên như: chế biến và bảo quản sản phẩm nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, logistics nông sản, trung tâm thủy sản... và công bố công khai danh mục các dự án cụ thể, có tính khả thi cao. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian cấp phép đầu tư. Thực thi hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư vào nông nghiệp. Xây dựng kênh đối thoại thường xuyên giữa chính quyền địa phương, cơ quan quản lý và nhà đầu tư để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án.

Xây dựng Không gian triển lãm và phát triển sản phẩm quốc gia, sản phẩm OCOP nhằm quảng bá, giới thiệu, đào tạo, kết nối cung - cầu và thị trường sản phẩm.

8. Xây dựng thương hiệu, chứng nhận quản lý chất lượng các sản phẩm nông nghiệp chủ lực

Định vị thương hiệu và xác định thị trường mục tiêu. Tập trung xây dựng thương hiệu quốc gia và thương hiệu địa phương cho các sản phẩm chủ lực, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý. Phát huy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý và Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “Nghề làm nước mắm Phú Quốc”. Phân khúc thị trường mục tiêu (thị trường nội địa cao cấp, thị trường xuất khẩu sang EU, Mỹ,...) để xây dựng thông điệp truyền thông phù hợp.

Đầu tư thiết kế bao bì và nhãn mác chuyên nghiệp. Tiếp tục thực hiện thiết lập, quản lý mã số vùng nuôi, vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030, thực hiện tốt truy xuất nguồn gốc nông sản. Hỗ trợ

thiết kế, in nhãn hiệu sản phẩm, đăng ký cấp mã số, mã vạch cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương và sản phẩm OCOP.

Nhân rộng quy trình sản xuất nông nghiệp bền vững, đạt các tiêu chuẩn sinh thái, hữu cơ trong nước và quốc tế.

Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng trong chế biến thực phẩm sạch, an toàn, đạt tiêu chuẩn chất lượng. Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng chương trình quản lý chất lượng sản phẩm tiên tiến (HACCP, ISO...). Tăng cường năng lực kiểm nghiệm, kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn trước khi đưa ra thị trường.

9. Công tác phối hợp với các cơ quan Trung ương triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp

Các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan Trung ương có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo nội dung nêu trên.

(Kèm theo Phụ lục nhiệm vụ chi tiết)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được đảm bảo từ các nguồn: Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình; vốn của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện Chương trình; tài trợ của các tổ chức, trong và ngoài nước; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Chương trình này, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước hàng năm tại cơ quan, đơn vị gửi Sở Tài chính thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp từ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ giao cho các cơ quan, đơn vị trong các chương trình khác có liên quan.

4. Việc quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ tại Chương trình này thực hiện theo quy định hiện hành về sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

5. Tổng kinh phí dự kiến trực tiếp triển khai thực hiện Chương trình là 358.700 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 68.800 triệu đồng
- Nguồn vốn ngân sách địa phương: 114.200 triệu đồng
- Nguồn vốn lồng ghép và xã hội hóa: 175.700 triệu đồng

(Bảng phụ lục chi tiết kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ trong Chương trình theo từng năm; tổng hợp báo cáo, đề xuất giải pháp thực hiện (nếu có) bảo đảm việc thực hiện hiệu quả, phù hợp, đạt mục tiêu Chương trình.

Tổ chức tập huấn, tuyên truyền bằng nhiều hình thức cho người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức về phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.

Xây dựng triển khai thực hiện các mô hình, dự án liên kết chuỗi lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, đối với các chuỗi sản có tính chất liên vùng, liên xã trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức xây dựng vùng nguyên liệu liên kết sản xuất hàng hóa chủ lực, năng suất, chất lượng cao đạt tiêu chuẩn chứng nhận gắn với xây dựng nông thôn mới theo lợi thế từng địa phương.

Chủ trì xây dựng, hình thành các sản phẩm chủ lực quốc gia trên cơ sở sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng các chương trình, kế hoạch ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản phẩm để phát triển các sản phẩm nâng hạng thành sản phẩm quốc gia.

Hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, thời vụ, quy trình kỹ thuật sản xuất; chuyên gia ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; tham mưu, chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, kế hoạch cung ứng vật tư đầu vào cho sản xuất; tổ chức lại sản xuất, phát triển chuỗi giá trị ngành hàng nông nghiệp chủ lực.

Phối hợp và thực hiện công tác xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư và kết nối cung - cầu cho sản phẩm quốc gia, sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP.

Rà soát, phối hợp với các sở, ban ngành và địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung danh mục sản phẩm quốc gia, sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh đảm bảo thiết thực, hiệu quả; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Cơ quan thường trực Chương trình OCOP Trung ương theo quy định; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh biểu dương khen thưởng các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có thành tích trong hoạt động Chương trình OCOP.

Phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh và địa phương tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ tổng kết Chương trình đến năm 2030, trong đó, năm 2028 tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết Chương trình và cuối năm 2030 tổ chức tổng kết Chương trình; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh biểu

dương khen thưởng các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có thành tích trong hoạt động Chương trình.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, tổng hợp đề xuất sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm hình thành các sản phẩm chủ lực quốc gia trên cơ sở sản phẩm OCOP đạt 5 sao, sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh và dựa trên đề xuất của các đơn vị;

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản phẩm để phát triển các sản phẩm nâng hạng thành sản phẩm quốc gia; bảo tồn, phát triển giống, quy trình sản xuất công nghệ cao, an toàn, sạch.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tăng cường tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện các quyền sở hữu trí tuệ để xây dựng, quản lý, sử dụng thương hiệu sản phẩm của mình góp phần quan trọng vào việc nâng cao sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm quốc gia.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm, thử nghiệm, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm chủ lực; ưu tiên bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh và trung ương phục vụ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ cao để phát triển các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực của tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tăng cường tập huấn, kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện sở hữu trí tuệ, quản lý, sử dụng thương hiệu sản phẩm chủ lực.

Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các thủ tục về sở hữu công nghiệp, truy xuất nguồn gốc, đăng ký mã số mã vạch hàng hóa đảm bảo kết nối với hệ thống của Quốc gia.

3. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu triển khai các chính sách hỗ trợ và thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức thực hiện Chương trình khuyến công giai đoạn 2026 - 2030, triển khai chính sách khuyến công hỗ trợ đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến nâng cao chất lượng sản phẩm. Tăng cường hợp tác, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm tại các tỉnh, thành phố. Hỗ trợ đưa lên các trang thương mại điện tử, bán hàng trực tuyến các sản phẩm OCOP.

Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia xây dựng bộ nhận diện thương hiệu trực tuyến trên toàn quốc và ứng dụng công nghệ thực tế ảo hỗ trợ xúc tiến bán hàng cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện Chương trình, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phân khai kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp (vốn đối ứng ngân sách địa phương) theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành theo Kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

5. Sở Văn hóa và Thể thao

Phối hợp lồng ghép yếu tố văn hóa, di sản văn hóa, làng nghề truyền thống, bản sắc địa phương trong xây dựng nội dung tuyên truyền, câu chuyện sản phẩm; phối hợp định hướng tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở, thiết chế văn hóa; phối hợp trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP tại các sự kiện văn hóa - thể thao khi có kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tham gia phối hợp các kỳ đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP theo nhiệm vụ được phân công.

6. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực của tỉnh và sản phẩm OCOP thông qua các Hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế; các chương trình truyền thông, hội nghị kết nối, các tuần hàng trong nước và quốc tế; tổ chức các chương trình khảo sát, xúc tiến thương mại tại các nước phát triển mạnh sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh gắn với phát triển nông nghiệp sinh thái; cập nhật thông tin thị trường trong nước và quốc tế liên quan đến sản phẩm của tỉnh.

7. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập mới, nâng chất lượng, hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp; thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; hỗ trợ phát triển mô hình hợp tác, liên kết doanh nghiệp, hợp tác xã, nông hộ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

8. Các sở, ban ngành liên quan

Thủ trưởng các sở, ban ngành; các cơ quan, đơn vị, đoàn thể liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện các nội dung tại Chương trình này.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các xã, phường, đặc khu, chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp với các sở ban ngành tỉnh triển khai, thực hiện các nội dung về phát triển sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực và sản phẩm OCOP trên địa bàn xã, phường, đặc khu.

Phối hợp rà soát, đề xuất điều chỉnh quy hoạch các vùng sản xuất chủ lực của địa phương. Chủ động bố trí nguồn lực của địa phương để hỗ trợ phát triển các sản phẩm có thế mạnh, đặc thù của địa phương; củng cố hoạt động các hợp tác xã hiện có, thành lập mới các hợp tác xã tại các vùng sản xuất tập trung; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào liên kết. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chủ động cung cấp thông tin, hướng dẫn và vận động các tổ chức, cá nhân tham gia liên kết chuỗi giá trị; trọng tâm là gắn kết sản xuất với tiêu thụ các sản phẩm đặc thù và sản phẩm OCOP của địa phương.

Rà soát, đề xuất các dự án mời gọi đầu tư hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển các lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ phát triển các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực của tỉnh, của địa phương.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất, người dân về ý nghĩa, các chính sách của Chương trình sản phẩm quốc gia, sản phẩm của tỉnh và sản phẩm OCOP; tích cực hỗ trợ, tư vấn cho các tổ chức kinh tế chuẩn bị hồ sơ, tài liệu tham gia Chương trình OCOP, trong đó, tập trung những sản phẩm chủ lực, có lợi thế, đặc sản của địa phương.

10. Các doanh nghiệp, hiệp hội, ngành hàng

Các doanh nghiệp, hiệp hội, ngành hàng phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu triển khai thực hiện Chương trình; đề xuất cơ chế, chính sách; tháo gỡ rào cản thương mại, mở rộng thị trường; chuyển giao khoa học công nghệ; hỗ trợ nông dân vay vốn, xây dựng vùng sản xuất tập trung; liên kết thu mua, chế biến sản phẩm; đầu tư cơ sở sơ chế, giết mổ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh sản phẩm.

Trên đây là Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030. Đề nghị các sở, ban ngành cấp tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; định kỳ tổ chức sơ, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình; gửi kế hoạch/báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) trước ngày 20/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Tỉnh ủy, Chính phủ, Bộ ngành Trung ương theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nội dung Chương trình này./.

Nơi nhận:

- Bộ nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đơn vị trực thuộc;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh truyền hình An Giang;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh, các đơn vị trực thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, vdcâu “HT”.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước

Phụ lục: 01**KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH***(Kèm theo Chương trình số 206 /CTr-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)**ĐVT: Triệu đồng*

TT	Kinh phí	Nội dung thực hiện Chương trình			
		Tổng (triệu đồng)	Sản phẩm quốc gia	Sản phẩm OCOP	Sản phẩm tiềm năng, sản phẩm nông nghiệp chủ lực
	Tổng kinh phí dự kiến thực hiện	358.700	31.000	255.200	72.500
-	Nguồn ngân sách Trung ương	68.800	3.000	50.800	15.000
-	Nguồn ngân sách địa phương	114.200	15.500	76.200	22.500
-	Nguồn vốn lồng ghép và xã hội hóa	175.700	12.500	128.200	35.000
	Trong đó:				
1	Năm 2026	69.740	5.700	50.440	13.600
-	Nguồn ngân sách Trung ương	13.100	500	9.800	2.800
-	Nguồn ngân sách địa phương	22.200	2.900	15.000	4.300
-	Nguồn vốn lồng ghép và xã hội hóa	34.440	2.300	25.640	6.500
2	Năm 2027	72.210	6.450	51.660	14.100
-	Nguồn ngân sách Trung ương	14.050	650	10.500	2.900
-	Nguồn ngân sách địa phương	22.800	3.200	15.100	4.500
-	Nguồn vốn lồng ghép và xã hội hóa	35.360	2.600	26.060	6.700
3	Năm 2028	72.850	6.550	51.800	14.500

TT	Kinh phí	Nội dung thực hiện Chương trình			
		Tổng (triệu đồng)	Sản phẩm quốc gia	Sản phẩm OCOP	Sản phẩm tiềm năng, sản phẩm nông nghiệp chủ lực
-	Nguồn ngân sách Trung ương	14.150	650	10.500	3.000
-	Nguồn ngân sách địa phương	22.900	3.300	15.100	4.500
-	Nguồn vốn lồng ghép và xã hội hóa	35.800	2.600	26.200	7.000
4	Năm 2029	72.150	6.350	50.000	15.800
-	Nguồn ngân sách Trung ương	13.950	650	10.000	3.300
-	Nguồn ngân sách địa phương	22.900	3.200	15.000	4.700
-	Nguồn vốn lồng ghép và xã hội hóa	35.300	2.500	25.000	7.800
5	Năm 2030	71.750	5.950	51.300	14.500
-	Nguồn ngân sách Trung ương	13.550	550	10.000	3.000
-	Nguồn ngân sách địa phương	23.400	2.900	16.000	4.500
-	Nguồn vốn lồng ghép và xã hội hóa	34.800	2.500	25.300	7.000

Phụ lục: 02**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA, SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA TỈNH, MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030***(Kèm theo Chương trình số 206 /CTr-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
I	Công tác tuyên truyền, tư vấn				
1	Tổ chức đối thoại/tư vấn về phát triển sản phẩm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	15 cuộc/năm	Thực hiện thường xuyên, hàng năm
2	Tuyên truyền trên báo đài	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	Ít nhất 05 phóng sự/năm 15 bài tin/năm	Thực hiện thường xuyên, hàng năm
II	Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp chủ lực				
1	Triển khai nhân rộng quy trình, công nghệ nuôi và quản lý sản xuất, môi trường trên sản phẩm chủ lực				2026 - 2030
-	Vùng sản xuất thủy sản, cá tra ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	15 vùng nuôi thủy sản và 02 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao	2026 - 2030
-	Quy trình canh tác tiên tiến (1 phải - 5 giảm, IPHM, VietGAP, sinh thái, hữu cơ, quy trình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Diện tích ứng dụng quy trình canh tác tiên tiến 70% diện tích, giảm thuốc BVTV từ 30% trở lên	2026 - 2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
-	Số hóa dữ liệu vùng nuôi, vùng trồng (mã số vùng, nhật ký điện tử, bản đồ số hóa...)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Diện tích vùng nuôi/doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 100% và 100% diện tích tham gia Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao	2026 - 2030
2	Xác định quy mô vùng sản xuất, cơ sở sơ chế, chế biến, tiêu thụ,... trong phương án quy hoạch vùng sản xuất tập trung, phương án quy hoạch cấp xã và quy hoạch khác có liên quan, gắn phát triển vùng sản xuất, thu mua, sơ chế, chế biến, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm.	UBND cấp xã	Các Sở, ban ngành	Ít nhất 01 Mô hình/xã	Thực hiện thường xuyên, hàng năm
3	Kêu gọi, thu hút đầu tư mới, hình thành các tập đoàn, công ty sản xuất, sơ chế, chế biến quy mô lớn và vừa sử dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, đồng bộ, gắn kết giữa vùng sản xuất tập trung với các cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm.	UBND cấp xã	Các Sở, ban ngành	Ít nhất 01 Mô hình/xã	Thực hiện thường xuyên, hàng năm
4	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng sản phẩm (tiêu chuẩn cơ sở; nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu sản phẩm, VietGAP, HACCP, ISO, chứng nhận Organic...)	UBND cấp xã	Các Sở, ban ngành	Ít nhất 01 Mô hình/xã	Thực hiện thường xuyên, hàng năm

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
	cho một số sản phẩm có giá trị kinh tế cao.				
III	Phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản sau thu hoạch				
1	Chính sách khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư, phát triển nhà xưởng, công nghệ chế biến bảo quản	Sở Công thương	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	5 Mô hình (300 triệu đồng/mô hình)	Thực hiện thường xuyên, hàng năm
2	Đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ mới	Sở Công thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Đề án (20 đề án/năm)	2026 - 2030
IV	Tổ chức lại sản xuất, phát triển chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực				
1	Truyền thông, phổ biến các chính sách, quy định về liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; các mô hình hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, lợi ích phát triển liên kết chuỗi; xây dựng các sản phẩm truyền thông đa dạng và phong phú phù hợp các nhóm đối tượng tham gia.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	Phóng sự, tài liệu, bài viết (Ít nhất 05 phóng sự/năm 15 bài viết/năm)	Thực hiện thường xuyên, hàng năm
2	Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ quản lý phụ trách lĩnh vực nông nghiệp các cấp, người phụ trách sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	50 lớp/năm	Thực hiện thường xuyên, hàng năm

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
	phẩm của các đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.				
3	Tổ chức các hội thảo, hội nghị giới thiệu ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ mới, máy móc trang thiết bị, dây chuyền công nghệ hiện đại trong sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, liên kết sản xuất; các quy định về kiểm dịch động thực vật, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm cho cán bộ làm quản lý, các cơ sở sản xuất, chế biến, bảo quản tiêu thụ sản phẩm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	20 cuộc/năm	Thực hiện thường xuyên, hàng năm
4	Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể				
-	Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các HTX NN hiện có	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Lớp đào tạo tập huấn (10 lớp/năm)	2026 - 2030
-	Hỗ trợ thành lập mới HTX	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã	HTX thành lập mới hoạt động hiệu quả (21 HTX/năm)	2026 - 2030
5	Phát triển chuỗi giá trị				
-	Hướng dẫn quy trình xây dựng các dự án liên kết	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	05 cuộc/năm	Năm 2026
-	Hỗ trợ kết nối các tác nhân trong chuỗi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; UBND cấp xã	Hội thảo/thỏa thuận hợp tác (05 cuộc/năm)	2026 - 2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
-	Xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên các sản phẩm chủ lực	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ít nhất 01 Mô hình/xã	2026 - 2030
-	Hỗ trợ liên kết tiêu thụ sản phẩm chủ lực	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	Tối thiểu 30% diện tích được hỗ trợ bao tiêu đầu ra ổn định	2026 - 2030
V	Tăng cường xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại sản phẩm quốc gia, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP				
1	Các hoạt động xúc tiến đầu tư				
-	Tham dự Hội nghị, hội thảo, diễn đàn hợp tác	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	Ít nhất 05 cuộc/năm	2026 - 2030
-	Dự án mời gọi đầu tư được cấp phép triển khai, trong đó ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; UBND cấp xã	05 Dự án	2026 - 2030
2	Các hoạt động xúc tiến thương mại				2026 - 2030
-	Tham dự và tổ chức các Hội nghị, hội chợ, triển lãm, lễ hội thương mại trong và ngoài nước ...	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Văn hóa và Thể thao; UBND cấp xã	Hội nghị, hội chợ, triển lãm, lễ hội (12 cuộc/năm)	2026 - 2030
-	Xây dựng Không gian trưng bày sản phẩm quốc gia, sản phẩm OCOP (Showroom giới thiệu sản phẩm)	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Văn hóa và Thể thao; UBND cấp xã	02 Showroom	2026 - 2027

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
-	Thương mại điện tử (sàn thương mại, giao dịch nền tảng ứng dụng)	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã	Sản phẩm/chủ thể tham gia (50 sản phẩm/năm)	2026 - 2030
VI	Xây dựng thương hiệu, chứng nhận quản lý chất lượng				
1	Vận động doanh nghiệp tham gia đề xuất triển khai sản phẩm quốc gia đối với sản phẩm Tôm, lúa gạo, cá tra, hồ tiêu (theo Thông báo kêu gọi đề xuất từ Bộ Khoa học và Công nghệ)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã	Doanh nghiệp	2026 - 2030
2	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm thế mạnh của địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã	Văn bằng bảo hộ	2026 - 2030
3	Hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý, hệ thống truy xuất nguồn gốc; chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để phát triển các sản phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	Doanh nghiệp được hỗ trợ	2026 - 2030
4	Đăng ký mã số vùng nuôi, vùng trồng	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ	Mã số vùng nuôi/vùng trồng	2026 - 2030
5	Hỗ trợ thiết kế, in ấn nhãn hiệu sản phẩm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Thiết kế/nhãn hiệu (theo danh mục đề xuất: ít nhất 20 sản phẩm/năm)	2026 - 2030
6	Nhân rộng quy trình sản xuất nông nghiệp bền vững, đạt các tiêu chuẩn sinh thái, hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	20-30% diện tích sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, ASC hoặc sinh thái	2026 - 2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
7	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng chương trình quản lý chất lượng sản phẩm tiên tiến	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; UBND cấp xã	Doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn chất lượng (ít nhất 10 doanh nghiệp/năm)	2026 - 2030
VII	Chương trình OCOP				
1	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình OCOP giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch	Quý II/năm 2026
2	Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh và Phát triển sản phẩm OCOP từ 3 sao đến 4 sao lên 5 sao cấp quốc gia	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	250 sản phẩm (50 sản phẩm/năm)	Thực hiện thường xuyên, hàng năm
3	Hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu các sản phẩm OCOP và hỗ trợ chi phí bao bì, in tem	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	5 nhãn hiệu/năm 20 sản phẩm/năm	Thực hiện thường xuyên, hàng năm
4	Tham dự và tổ chức các Hội nghị, hội chợ, triển lãm, kết nối cung – cầu sản phẩm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	Ít nhất 05 cuộc/năm	Thực hiện thường xuyên, hàng năm
5	Rà soát, đề xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm của làng nghề, truyền thống trên địa bàn tham gia Chương trình OCOP	UBND cấp xã	Các Sở, ban ngành tỉnh	Ít nhất 01 sản phẩm/xã	Thực hiện thường xuyên, hàng năm
6	Tham dự và tổ chức các Hội nghị, hội chợ, triển lãm, lễ hội thương mại trong và ngoài nước	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; UBND cấp xã	Ít nhất 05 cuộc/năm	2026 - 2030
7	Thương mại điện tử (sàn thương mại, giao dịch nền tảng ứng dụng..)	Sở Công thương	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	Ít nhất 30 sản phẩm/năm	2026 - 2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
8	Đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ mới	Sở Công thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	10 Đề án	2026 - 2030

Phụ lục: 03**SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM DỰ KIẾN THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026-2030***(Kèm theo Chương trình số 206 /CTr-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030				Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao	3 sao	
	Tổng	294	50	69	74	68	33	294	5	25	264	
1	Đặc khu Phú Quốc	16	4	4	3	4	1	16	5	8	3	- Nước mắm Phú Quốc; - Sản phẩm từ hồ tiêu; - Rượu sim; - Mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái
-	Sản phẩm 5 sao	5	2	1	1	1		5	5			
-	Sản phẩm 4 sao	8	2	2	1	2	1	8		8		
-	Sản phẩm 3 sao	3		1	1	1		3			3	
2	Đặc khu Kiên Hải	8	1	2	2	2	1	8	0	0	8	- Sản phẩm khô các loại. - Rượu đào, nho rừng. - Bơ Hòn Tre. - Mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	8	1	2	2	2	1	8			8	
3	Phường Rạch Giá	6	2	1	2	1	0	6	0	2	4	- Sản phẩm từ yến sào - Sản phẩm khô các loại. - Gạo sạch, hữu cơ
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	2	1		1			2		2		
-	Sản phẩm 3 sao	4	1	1	1	1		4			4	
4	Phường Chi Lăng	1	0	1	0	0	0	1	0	0	1	- Đường thốt nốt - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030				Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao	3 sao	
-	Sản phẩm 3 sao	1		1				1			1	
5	Phường Mỹ Thới	5	1	1	1	1	1	5	0	0	5	- Cá khô; đường thốt nốt - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	5	1	1	1	1	1	5			5	
6	Phường Tân Châu	8	2	2	1	2	1	8	0	2	6	- Sản phẩm từ lụa Tân Châu, dệt Thổ Cẩm. - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	2	1			1		2		2		
-	Sản phẩm 3 sao	6	1	2	1	1	1	6			6	
7	Phường Long Phú	6	1	1	2	1	1	6	0	0	6	- Sản phẩm từ cá linh, cá mè vinh - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	6	1	1	2	1	1	6			6	
8	Xã Ngọc Chúc	8	1	2	2	2	1	8	0	0	8	- Sản phẩm cây ăn trái như sầu riêng, măng cụt. - Sản phẩm hồ tiêu. - Lúa gạo
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	8	1	2	2	2	1	8			8	
9	Xã Bình Giang	2	0	1	1	0	0	2	0	0	2	- Sản phẩm từ yến sào - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030				Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao	3 sao	
-	Sản phẩm 3 sao	2		1	1			2			2	
10	Xã Tân Hiệp	9	1	3	2	2	1	9	0	0	9	- Rượu Kinh 5 - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	9	1	3	2	2	1	9			9	
11	Xã Hòa Thuận	3	1	0	1	1	0	3	0	0	3	- Sản phẩm cây ăn trái như sầu riêng, măng cụt. - Sản phẩm hồ tiêu. - Lúa gạo
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	3	1		1	1		3			3	
12	Xã An Phú	10	2	3	2	2	1	10	0	0	10	- Sản phẩm từ thủ công mỹ nghệ từ cỏ bàng. - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	10	2	3	2	2	1	10			10	
13	Xã Vĩnh Thuận	2	0	1	1	0	0	2	0	0	2	- Sản phẩm cá khô, tôm khô - Cua biển - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	2		1	1			2			2	
14	Xã Thạnh Mỹ Tây	2	0	1	1	0	0	2	0	0	2	- Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030			Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)	
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao		3 sao
-	Sản phẩm 3 sao	2		1	1			2			2	
15	Xã Vĩnh Điều	5	1	1	1	1	1	5	0	0	5	- Khô trâu, khô bò - Nấm tràm; - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	5	1	1	1	1	1	5			5	
16	Xã Vĩnh Hòa	3	0	1	1	1	0	3	0	0	3	- Sản phẩm từ cây Chuối như: bắp chuối, trái chuối. - Gạo hữu cơ. - Mắm cá lười trâu
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	3		1	1	1		3			3	
17	Xã Vĩnh Hòa Hưng	4	1	1	1	1	0	4	0	0	4	- Sản phẩm cây ăn trái như sầu riêng, măng cụt. - Sản phẩm hồ tiêu. - Lúa gạo
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	4	1	1	1	1		4			4	
18	Xã Tân Hội	3	0	1	1	1	0	3	0	0	3	- Sản phẩm từ nghề thủ công đan lát - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	3		1	1	1		3			3	
19	Xã Vĩnh Trạch	5	1	1	1	2	0	5	0	0	5	- Dưa lười; tàu hũ ky - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030			Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)	
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao		3 sao
-	Sản phẩm 3 sao	5	1	1	1	2		5			5	
20	Xã Giang Thành	8	2	1	2	2	1	8	0	4	4	- Khô trâu, khô bò - Nấm tràm; sản phẩm từ cỏ bàng
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			- Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 4 sao	4	1		1	1	1	4		4		
-	Sản phẩm 3 sao	4	1	1	1	1		4			4	
21	Xã Ô Lâm	4	1	1	1	1	0	4	0	0	4	- Sản phẩm từ trái cây sấy - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	4	1	1	1	1		4			4	
22	Xã Vĩnh Gia	1	0	1	0	0	0	1	0	0	1	- Sản phẩm từ trái cây sấy - Phát triển các sản phẩm quốc gia, sản phẩm OCOP đang có trên địa bàn xã.
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	1		1				1			1	
23	Xã Phú An	5	1	1	1	1	1	5	0	1	4	- Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	1		1				1		1		
-	Sản phẩm 3 sao	4	1		1	1	1	4			4	
24	Xã Phú Hòa	3	0	1	1	1	0	3	0	0	3	- Sản phẩm từ trái cây sấy - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030			Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)	
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao		3 sao
-	Sản phẩm 3 sao	3		1	1	1		3			3	
25	Xã Chợ Vàm	2	1	0	1	0	0	2	0	0	2	- Gạo, nếp - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0					0	0				
-	Sản phẩm 4 sao	0					0		0			
-	Sản phẩm 3 sao	2	1		1		2				2	
26	Xã Phú Hữu	3	0	1	1	1	0	3	0	0	3	- Sản phẩm từ trái đậu phộng, trái cây sấy - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0					0	0				
-	Sản phẩm 4 sao	0					0		0			
-	Sản phẩm 3 sao	3		1	1	1	3				3	
27	Xã Hòa Điền	6	1	1	2	1	1	6	0	0	6	- Tôm khô - Hồ tiêu - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0					0	0				
-	Sản phẩm 4 sao	0					0		0			
-	Sản phẩm 3 sao	6	1	1	2	1	6				6	
28	Xã Hòa Lạc	1	0	1	0	0	0	1	0	0	1	- Sản phẩm từ trái cây sấy - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0					0	0				
-	Sản phẩm 4 sao	0					0		0			
-	Sản phẩm 3 sao	1		1			1				1	
29	Xã Giồng Riềng	1	0	1	0	0	0	1	0	0	1	- Trà măng cầu. - Mắm cá đồng. - sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ tre, trúc
-	Sản phẩm 5 sao	0					0	0				
-	Sản phẩm 4 sao	0					0		0			

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030				Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao	3 sao	
-	Sản phẩm 3 sao	1		1				1			1	
30	Xã An Cư	13	1	3	4	4	1	13	0	3	10	- Sản phẩm từ yến sào - Sản phẩm từ dẹt Thổ Cẩm. - Sản phẩm từ đường thốt nốt và cây lục bình
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	3		1	1	1		3		3		
-	Sản phẩm 3 sao	10	1	2	3	3	1	10			10	
31	Xã Tân An	4	1	1	1	1	0	4	0	0	4	- Sản phẩm từ cây ăn trái sấy khô - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	4	1	1	1	1		4			4	
32	Xã Tri Tôn	4	0	1	1	1	1	4	0	0	4	- Sản phẩm từ đường thốt nốt; rượu thốt nốt - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	4		1	1	1	1	4			4	
33	Xã Hội An	9	1	3	2	2	1	9	0	1	8	- Sản phẩm từ gạo - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	1		1				1		1		
-	Sản phẩm 3 sao	8	1	2	2	2	1	8			8	
34	Xã Cù Lao Giêng	7	1	1	3	1	1	7	0	1	6	- Sản phẩm từ trái Xoài - Mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	1			1			1		1		

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030			Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)	
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao		3 sao
-	Sản phẩm 3 sao	6	1	1	2	1	1	6			6	
35	Xã An Minh	10	1	1	3	3	2	10	0	0	10	- Sản phẩm từ yến sào - Sản phẩm từ cua biển, sò huyết. - Tranh vỏ tràm - Gạo hữu cơ
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	10	1	1	3	3	2	10			10	
36	Xã Vĩnh Hậu	2	0	1	0	1	0	2	0	0	2	- Khô bò, lạp xưởng - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	2		1		1		2			2	
37	Xã Châu Thành	7	1	2	2	1	1	7	0	0	7	- Sản phẩm từ trái khóm, như bánh hoa mai, mứt khóm, nước màu khóm - Sản phẩm từ yến sào - Nước mắm
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	7	1	2	2	1	1	7			7	
38	Xã Vĩnh Thạnh Trung	3	1	1	1	0	0	3	0	0	3	- Sản phẩm từ trái cây sấy khô - Phát triển các sản phẩm quốc gia, sản phẩm OCOP đang có trên địa bàn xã
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	3	1	1	1			3			3	
39	Xã Ốc Eo	4	1	0	1	1	1	4	0	0	4	- Sản phẩm gạo - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030				Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao	3 sao	
-	Sản phẩm 3 sao	4	1		1	1	1	4			4	
40	Xã Tiên Hải	6	1	1	2	1	1	6	0	0	6	
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			- Sản phẩm khô các loại. - Mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	6	1	1	2	1	1	6			6	
41	Xã U Minh Thượng	12	1	3	3	3	2	12	0	2	10	
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			- Sản phẩm khô các loại. - Mắm cá lưôi trâu - Mật ong - Mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.
-	Sản phẩm 4 sao	2		1		1		2		2		
-	Sản phẩm 3 sao	10	1	2	3	2	2	10			10	
42	Xã Long Điền	2	0	1	0	1	0	2	0	0	2	
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			- Sản phẩm từ trái dừa - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	2		1		1		2			2	
43	Xã Vĩnh Xương	4	1	0	1	1	1	4	0	0	4	
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			- Cá khô như cá lóc, cá sặc - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	4	1		1	1	1	4			4	
44	Xã Đông Hưng	2	0	1	1	0	0	2	0	0	2	
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			- Sản phẩm từ cua biển, sò huyết. - Tranh vỏ tràm - Gạo hữu cơ
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030			Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)	
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao		3 sao
-	Sản phẩm 3 sao	2		1	1			2			2	
45	Xã Long Thạnh	2	0	1	0	1	0	2	0	0	2	- Sản phẩm từ hồ tiêu; cây ăn trái như măng cụt, dâu - Mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	2		1		1		2			2	
46	Xã Phú Lâm	2	1	0	0	1	0	2	0	0	2	- Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	2	1			1		2			2	
47	Xã Định Mỹ	4	1	0	1	1	1	4	0	0	4	- Sản phẩm từ trái cây sấy - Mắm cá đồng như cá linh, cá mè vinh
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	4	1		1	1	1	4			4	
48	Xã An Châu	6	1	1	2	1	1	6	0	0	6	- Sản phẩm từ gạo, đậu nành như tàu hũ ky - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	6	1	1	2	1	1	6			6	
49	Xã Vĩnh Phong	7	1	2	2	1	1	7	0	1	6	- Tôm khô - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	1			1			1		1		

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030			Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)	
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao		3 sao
-	Sản phẩm 3 sao	6	1	2	1	1	1	6			6	
50	Xã Hòn Đất	6	1	1	2	1	1	6	0	0	6	- Sản phẩm từ yến sào - Xoài cát Hòa Lộc - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0					0	0				
-	Sản phẩm 4 sao	0					0		0			
-	Sản phẩm 3 sao	6	1	1	2	1	1	6			6	
51	Xã Sơn Kiên	3	1	0	1	1	0	3	0	0	3	- Sản phẩm từ yến sào - Cây ăn trái như Táo, bí rợ - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0					0	0				
-	Sản phẩm 4 sao	0					0		0			
-	Sản phẩm 3 sao	3	1		1	1		3			3	
52	Xã Ba Chúc	2	0	1	0	1	0	2	0	0	2	- Sản phẩm từ đường thốt nốt; rượu thốt nốt - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0					0	0				
-	Sản phẩm 4 sao	0					0		0			
-	Sản phẩm 3 sao	2		1		1		2			2	
53	Xã Châu Phong	3	0	1	1	0	1	3	0	0	3	- Cây ăn trái như Dưa lê - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0					0	0				
-	Sản phẩm 4 sao	0					0		0			
-	Sản phẩm 3 sao	3		1	1		1	3			3	
54	Xã Ngọc Chúc	6	1	1	1	2	1	6	0	0	6	- Sản phẩm từ hồ tiêu; cây ăn trái như măng cụt, dâu - Mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.
-	Sản phẩm 5 sao	0					0	0				
-	Sản phẩm 4 sao	0					0		0			

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030			Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)	
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao		3 sao
-	Sản phẩm 3 sao	6	1	1	1	2	1	6			6	
55	Xã Thạnh Hưng	6	1	2	1	1	1	6	0	0	6	- Sản phẩm từ cây ăn trái như măng cụt, dâu. Sầu riêng. - Bánh tráng Thạnh Hưng. - Mắm cá đồng
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	6	1	2	1	1	1	6			6	
56	Xã Mỹ Đức	4	1	1	0	1	1	4	0	0	4	- Sản phẩm từ trái cây sấy - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	4	1	1		1	1	4			4	
57	Xã Hòa Hưng	3	1	0	1	1	0	3	0	0	3	- Sản phẩm từ hồ tiêu; cây ăn trái như măng cụt, dâu - Mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	3	1		1	1		3			3	
58	Xã Nhơn Hội	3	1	0	1	1	0	3	0	0	3	- Mắm cá đồng - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	3	1		1	1		3			3	
59	Xã Phú Tân	4	1	1	0	1	1	4	0	0	4	- Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		

TT	Sản phẩm	Tổng	Dự kiến số lượng sản phẩm OCOP công nhận giai đoạn 2026-2030					Trong đó, số lượng sản phẩm sự kiến đạt sao giai đoạn 2026-2030			Ghi chú (Ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng như:)	
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	5 sao	4 sao		3 sao
-	Sản phẩm 3 sao	4	1	1		1	1	4			4	
60	Xã Cần Đăng	2	1	0	1	0	0	2	0	0	2	- Sản phẩm từ cây ăn trái - Phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của địa phương
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	2	1		1			2			2	
61	Phường Vĩnh Thông	2	1	0	0	1	0	2	0	0	2	- Sản phẩm từ yến sào - Sản phẩm từ gạo, củ cải trắng - Sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ tre, trúc
-	Sản phẩm 5 sao	0						0	0			
-	Sản phẩm 4 sao	0						0		0		
-	Sản phẩm 3 sao	2	1			1		2			2	
62	Các xã, phường, đặc khu còn lại khuyến khích phấn đấu và công nhận ít nhất 01 sản phẩm đạt 3 sao trở lên. Trong đó ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của địa phương.											